TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Vũ Xuân Chính.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Diễm M, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã HT, huyện NC, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã HT, huyện NC, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, đơn xin vắng mặt ngày 04/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Diễm M trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ L tự nguyện kết hôn năm 2014 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm không còn, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 06/11/2015 hiện do anh L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị M vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PT nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị M cho rằng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, tình cảm không còn, đời sống chung không còn đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã biết chị M kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị M đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị M và anh L hiện không còn chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 06/11/2015. Theo chị M trình bày cháu Kim hiện nay do anh L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị M xác định tự thỏa thuận việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh L không có ý kiến phản bác nên được xem như chấp nhận yêu cầu của chị M đặt ra. Xét thấy, tuy anh chị không đặt ra yêu cầu việc nuôi con nhưng cháu Kim hiện do anh L nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung chị M và anh L không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Cho chị Nguyễn Diễm M được ly hôn với anh Nguyễn Vũ L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 06/11/2015 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị M phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007397 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã VT, huyện PT (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên